Hợp đồng hợp tác kinh doanh (Hợp đồng BCC)

Điều 1. Định Nghĩa

1.1 **"Công ty"**: Là Công ty cổ phần đầu tư tài chính CORE SOLUTION.

1.2 **"Khách hàng"**: Là Cá nhân trong nước có nhu cầu hợp tác đầu tư Chứng khoán với Công ty.

1.3 **"Tài khoản Hợp tác đầu tư"**: Là Tài khoản Chứng khoán của Công ty chỉ định được sử dụng để thực hiện hợp tác đầu tư theo quy định tại Hợp đồng này.

1.4 **"Tài khoản Nộp Tiền góp vốn"**: Là Tài khoản Ngân hàng được chỉ định bởi Công ty để Khách hàng chuyển tiền góp vốn hợp tác đầu tư vào.

1.5 **"Khoản Tiền góp vốn"**: Là khoản tiền Khách hàng thực hiện góp vốn vào Tài khoản Nộp Tiền góp vốn do Công ty chỉ định.

1.6 **"Danh Mục Hợp tác đầu tư"**: Là Tập hợp các Chứng khoán cơ sở được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE), Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và thị trường Công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM), Chứng khoán Phái sinh bao gồm Hợp đồng tương lai, Quyền chọn được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Phái Sinh theo quy định của Pháp Luật Việt Nam.

1.7 **"Tỷ lệ đặt cọc"**: Là Tổng của (i) Khoản Tiền góp vốn của Khách hàng có trong Tài khoản hợp tác đầu tư và (ii) tổng Lãi/Lỗ của Giao dịch hợp tác đầu tư Chứng khoán trừ cho bất kỳ các khoản phải thanh toán nào bao gồm Phí Giao dịch, Phí Quản lý Tài khoản, Thuế đầu tư vốn, Lợi nhuận hợp tác đầu tư của Công ty và các Chi phí khác (nếu có) và chia cho Số nhân Hợp đồng và Giá Chứng khoán cuối ngày.

1.8 **"Tỷ lệ đặt cọc Ban Đầu"**: Là Tỷ lệ đặt cọc mà Khách hàng phải nộp Tiền góp vốn đối với các vị thế Chứng khoán/Phái sinh mà Khách hàng dự kiến hợp tác đầu tư trước khi thực hiện giao dịch.

1.9 **“Tỷ lệ đặt cọc Duy Trì**: Là Tỷ lệ đặt cọc tối thiểu mà Khách hàng phải duy trì như là một khoản đặt cọc với Công ty để duy trì và tiếp tục hợp tác đầu tư Chứng khoán Phái Sinh theo tỷ lệ do Công ty quy định.

1.10 **“Tỷ lệ Bán Xử Lý”**: Là Tỷ lệ mà Công ty quy định theo đó nếu Tỷ lệ đặt cọc chạm mức này thì Công ty được quyền đóng bất cứ vị thế đang hợp tác đầu tư nào.

1.11 **“Vị thế”**: Là trạng trạng thái và khối lượng Chứng khoán còn hiệu lực mà Khách hàng đang hợp tác đầu tư với Công ty tính tới thời điểm đó.

1.12 **“Yêu cầu góp vốn bổ sung”**: Là yêu cầu của Công ty với Khách hàng để bổ Sung vào Tài khoản Nộp Tiền góp vốn khi Tài khoản hợp tác đầu tư của Khách hàng đang trong trạng thái Số Dư Đặt cọc thấp hơn Tỷ lệ đặt cọc duy trì vào cuối ngày giao dịch.

1.13 **“Lợi Nhuận Hợp tác đầu tư”**: là Lợi nhuận mà Công ty được hưởng do việc góp vốn cùng Khách hàng hợp tác đầu tư Chứng khoán. Mức Lãi Suất của Lợi Nhuận hợp tác đầu tư được Công ty công bố tùy từng thời điểm cụ thể.

1.14 **“Chi phí Hợp tác đầu tư”**: Là các khoản Chi phí liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng hợp tác đầu tư bao gồm Phí Giao dịch, Phí Qua đêm và Phí Đáo hạn Hợp đồng phải trả cho Công ty Chứng khoán, ... theo mức mà Công ty công bố tại từng thời điểm cụ thể.

1.15 **“Phí Quản Lý Tài khoản”**: Là khoản Phí mà Khách hàng đồng ý trả cho Công ty để sử dụng dịch vụ quản lý Tài khoản Giao dịch bao gồm Phí Giao dịch, Phí Qua đêm và Phí Đáo hạn Hợp đồng trên ứng dụng CORE SOLUTION. Mức Phí này sẽ được Công ty công bố tại từng thời điểm cụ thể.

1.16 **“Thuế đầu tư vốn”**: Là khoản Thuế thu nhập cá nhân phát sinh (nếu có) từ Hợp đồng hợp tác đầu tư mà Khách hàng phải nộp theo quy định Pháp Luật hiện hành.

1.17 **“Ứng dụng CORE SOLUTION”**: Là ứng dụng/website hoặc các Phương tiện điện tử phù hợp do Công ty sở hữu và vận hành với mục đích hợp tác đầu tư Chứng khoán.

1.18 **“Điều Khoản và Điều Kiện sử dụng Ứng Dụng CORE SOLUTION”** (hoặc cách gọi khác là “Điều Khoản và Điều Kiện”): là một thỏa thuận giữa Khách hàng và Công ty khi sử dụng Ứng dụng CORE SOLUTION. Việc Khách hàng nhấn “Tôi đồng ý với bản Điều khoản và Điều Kiện”, đồng nghĩa với việc Khách hàng đồng ý sử dụng và tuân thủ các quy trình, giao dịch được thiết lập thông qua Ứng dụng.

Điều 2. Nội Dung Và Phương thức Hợp tác đầu tư

Công ty và Khách hàng cùng thống nhất thực hiện hợp tác đầu tư Chứng khoán theo các Điều kiện và Phương thức sau đây:

2.1. Khách hàng mở Tài khoản Giao dịch để thực hiện hợp tác đầu tư Chứng khoán trên Ứng dụng CORE SOLUTION được kết nối với Tài khoản hợp tác đầu tư do Công ty chỉ định. Khách hàng đồng ý trả cho Công ty khoản Phí dịch vụ quản lý Tài khoản để sử dụng dịch vụ Tài khoản trên ứng dụng CORE SOLUTION của Công ty.

2.2. Công ty và Khách hàng cùng góp vốn bằng tiền vào Tài khoản Nộp Tiền góp vốn và/hoặc Tài khoản hợp tác đầu tư để thực hiện hợp tác đầu tư theo Danh Mục hợp tác đầu tư trên Tài khoản hợp tác đầu tư nhằm mục đích lợi nhuận và trên nguyên tắc bảo toàn 100% Giá trị Phần vốn góp của mỗi Bên. Khách hàng cam kết rằng Khoản Tiền góp vốn thuộc quyền sở hữu hợp pháp và duy nhất của Khách hàng và không thuộc đối tượng tham gia vào các giao dịch cho, tặng, thừa kế, cho mượn, góp vốn hoặc tham gia giao dịch bảo đảm dưới bất kỳ hình thức nào để đảm bảo cho bất kỳ nghĩa vụ nào khác, không bị tranh chấp hoặc tiềm tàng khả năng tranh chấp quyền sở hữu.

2.3. Công ty và Khách hàng đồng ý rằng việc thực hiện hợp tác đầu tư là do Khách hàng toàn quyền quyết định. Khách hàng chịu mọi Chi phí liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng này, bao gồm và không giới hạn ở Chi phí hợp tác đầu tư phải trả cho Công ty

Chứng khoán và các khoản Chi phí khác phát sinh (nếu có) liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng này. Công ty có trách nhiệm thông báo cho Khách hàng các Chi phí khác phát sinh bằng email trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ thời điểm phát sinh.

2.4. Công ty được hưởng mức Lợi Nhuận hợp tác đầu tư theo mức Lãi suất được Công ty công bố tại từng thời điểm cụ thể. Lợi Nhuận hợp tác đầu tư của Công ty được hưởng là cố định và không phụ thuộc vào kết quả thu được từ việc Khách hàng thực hiện đầu tư Chứng khoán phái sinh theo Hợp đồng này. Công ty không phải chịu bất kỳ rủi ro/thua lỗ nào phát sinh từ việc hợp tác đầu tư theo Hợp đồng này.

2.5. Khách hàng chịu trách nhiệm chi trả Thuế đầu tư vốn phát sinh từ việc hợp tác đầu tư Chứng khoán cùng Công ty. Công ty sẽ thực hiện kê khai và khấu trừ Thuế đầu tư vốn từ Tài khoản Giao dịch của Khách hàng. Để tránh hiểu lầm, các Giao dịch phát sinh lãi/lỗ đã thực hiện trong ngày sẽ được bù trừ để tính Thuế đầu tư vốn và Công ty sẽ thực hiện tự động hoàn/cắt tiền từ Tài khoản Giao dịch của Khách hàng cho phần Thuế đầu tư vốn phải nộp (nếu có). Khách hàng chịu trách nhiệm việc quyết toán Thuế thu nhập cá nhân.

2.6. Khách hàng chịu trách nhiệm chi trả Thuế đầu tư vốn phát sinh từ việc hợp tác đầu tư Chứng khoán cùng Công ty. Công ty sẽ thực hiện khấu trừ Thuế đầu tư vốn từ Tài khoản Giao dịch của Khách hàng. Khách hàng và Công ty cùng thống nhất rằng Công ty sẽ tổng hợp lãi/lỗ phát sinh từ việc hợp tác đầu tư theo từng năm và Công ty sẽ thực hiện tự động khấu trừ/hoàn lại Thuế đầu tư vốn đã tạm trích cho phần thu nhập phát sinh này. Việc kê khai Thuế đầu tư vốn sẽ được Công ty thực hiện vào kỳ kê khai thuế cuối cùng trong cùng năm đó. Khách hàng chịu trách nhiệm việc quyết toán Thuế thu nhập cá nhân theo quy định.

Điều 3. Nguyên Tắc Thực Hiện Giao dịch hợp tác đầu tư Chứng khoán

3.1. Khoản Tiền góp vốn

a) Khách hàng đồng ý chuyển Tiền góp vốn vào Tài khoản Nộp Tiền góp vốn theo Tỷ lệ đặt cọc Ban Đầu do Công ty quy định tại từng thời điểm.

b) Trong suốt thời hạn của Hợp đồng này, Khách hàng có nghĩa vụ duy trì **Tỷ lệ đặt cọc duy trì** theo mức do Công ty quy định để đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ của Khách hàng phát sinh từ Giao dịch hợp tác đầu tư và theo Hợp đồng này.

c) Sau khi đặt Lệnh Giao dịch và mở Vị thế, Khách hàng phải bảo đảm rằng Tỷ lệ đặt cọc không thấp hơn Tỷ lệ đặt cọc Duy Trì. Công ty sẽ thông báo cho Khách hàng nếu Tỷ lệ đặt cọc thấp hơn Tỷ lệ đặt cọc duy trì bằng một yêu cầu góp vốn bổ sung. Khách hàng phải thực hiện yêu cầu góp vốn bổ Sung trong thời hạn theo yêu cầu do Công ty quy định tại từng thời điểm. Khách hàng có trách nhiệm theo dõi Tài khoản Giao dịch của mình và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường cho Khách hàng nếu Công ty không gửi yêu cầu góp vốn bổ sung.

d) Nếu Tỷ lệ đặt cọc chạm Tỷ lệ Bán Xử Lý thì Công ty có quyền đóng các vị thế trên Tài khoản Giao dịch của Khách hàng mà không cần thông báo trước với Khách hàng và không cần sự đồng ý của Khách hàng về thời điểm đóng vị thế và các vấn đề khác liên quan đến việc đóng Vị thế.

3.2. Giao dịch hợp tác đầu tư Kinh Doanh Chứng khoán

a) Khách hàng đặt lệnh giao dịch hợp tác đầu tư Chứng khoán tại Tài khoản Giao dịch (Lệnh Giao dịch) trên Ứng dụng CORE SOLUTION được kết nối với Tài khoản hợp tác đầu tư của Công ty. Khách hàng đảm bảo rằng Khách hàng hiểu đầy đủ tất cả các khía cạnh của việc đặt Lệnh Giao dịch này, bao gồm nhưng không giới hạn như sau:

- Giao dịch Chứng khoán là một giao dịch có rủi ro cao do sự biến động về giá của Chứng khoán.

- Rủi ro trong việc mua/bán cổ phiếu, mở/đóng Vị thế, thanh lý vị thế và các khoản nợ phải trả trong trường hợp giao dịch dẫn đến thua lỗ.

- Rủi ro liên quan đến việc không thể hủy Lệnh Giao dịch theo điều kiện khách quan của thị trường.

- Rủi ro trong trường hợp Giao dịch Chứng khoán bị ngăn chặn hoặc hạn chế mở vị thế mới theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Và các rủi ro tiềm tàng khác.

b) Khi Khách hàng thực hiện Lệnh Giao dịch, Khách hàng phải duy trì Tỷ lệ đặt cọc Ban Đầu theo mức do Công ty quy định để đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ của Khách hàng phát sinh từ giao dịch hợp tác đầu tư Kinh doanh Chứng khoán theo Hợp đồng.

c) Nếu Khách hàng phát hiện có lỗi hoặc sai sót trong Lệnh Giao dịch, Khách hàng có nghĩa vụ thông báo lỗi hoặc thiếu sót của lệnh đã được xác nhận với Công ty trong cùng Ngày Giao dịch. Nếu không, Khách hàng được xem là chấp nhận lệnh hoặc Giao dịch hợp tác đầu tư Chứng khoán Phái Sinh đó là trung thực, chính xác và đầy đủ.

d) Trong trường hợp Công ty không thể thực hiện toàn bộ hoặc một phần của Giao dịch hợp tác đầu tư theo Lệnh Giao dịch của Khách hàng, phần lệnh không thể thực hiện được sẽ bị hủy khi kết thúc thời hạn nêu trên trong Lệnh Giao dịch đó hoặc theo quy định của pháp luật Việt Nam. Nếu Công ty thực hiện một phần hoặc toàn bộ lệnh của Khách hàng, Khách hàng đồng ý chịu sự ràng buộc bởi toàn bộ kết quả của Giao dịch hợp tác đầu tư Kinh doanh Chứng khoán về mọi phương diện, và nếu Công ty không thể thực hiện toàn bộ hay một phần Giao dịch hợp tác đầu tư Kinh doanh Chứng khoán theo yêu cầu của Khách hàng, Công ty sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ mất mát và thiệt hại nào mà Khách hàng phải chịu.

e) Nếu Tỷ lệ đặt cọc chạm Tỷ lệ Bán Xử Lý, Khách hàng đồng ý và chấp nhận rằng Công ty được quyền đóng bất kỳ vị thế nào của Khách hàng vào thời điểm Công ty thấy phù hợp cho đến khi Tỷ lệ đặt cọc của Khách hàng trở về Tỷ lệ đặt cọc Ban Đầu để tiếp tục thực hiện hợp tác đầu tư Chứng khoán, phù hợp với các quy định của Công ty.

f) Khách hàng chấp nhận rằng mỗi Giao dịch Chứng khoán là quyết định của riêng Khách hàng. Bất cứ thông tin, tin tức, đề xuất nào liên quan đến Giao dịch Chứng khoán từ bất kỳ ai, kể cả nhân viên và người có liên quan của Công ty cũng sẽ không có giá trị

ràng buộc đối với Công ty, và Công ty không chịu trách nhiệm đối với các thông tin, tin tức, đề xuất trên mọi phương diện.

Điều 4. yêu cầu góp vốn bổ Sung Và Xử Lý Khoản Tiền góp vốn

4.1. Yêu cầu góp vốn bổ sung

a) Nếu tài bất kỳ thời điểm nào vị thế của Khách hàng tạo nên vị thế lỗ vì bất cứ lý do gì ("Khoản Lỗ"), Khách hàng bằng việc ký Hợp đồng này ủy quyền và không hủy ngang cho Công ty rút một phần hoặc toàn bộ Khoản Tiền góp vốn/Tài Sản của Khách hàng trong Tài khoản hợp tác đầu tư để hoàn tất nghĩa vụ thanh toán của Khách hàng phát sinh từ Khoản Lỗ đó.

b) Nếu khoản lỗ khiến Tỷ lệ đặt cọc thấp hơn Tỷ lệ đặt cọc duy trì nhưng cao hơn Tỷ lệ Bán Xử Lý thì Công ty sẽ thông báo để Khách hàng bổ Sung Khoản Tiền góp vốn vào Tài khoản Nộp Tiền góp vốn để Tỷ lệ đặt cọc lớn hơn hoặc bằng Tỷ lệ đặt cọc Ban Đầu. Khoản Tiền góp vốn bổ Sung phải được gửi vào Tài khoản Nộp Tiền góp vốn trong một thời hạn do Công ty quy định. Sau thời hạn này, nếu Khách hàng không nộp Khoản Tiền góp vốn bổ Sung và Tỷ lệ đặt cọc thấp hơn Tỷ lệ đặt cọc Ban Đầu thì Công ty có thể đóng một phần hoặc toàn bộ vị thế của Khách hàng để ít nhất Tỷ lệ đặt cọc bằng Tỷ lệ đặt cọc ban đầu. Khách hàng chấp nhận toàn bộ Chi phí và lỗ phát sinh từ việc Công ty thực hiện việc đóng một phần/toàn bộ vị thế này.

c) Khách hàng đồng ý rằng nếu sau khi thực hiện đóng toàn bộ vị thế của Khách hàng, mà Khách hàng vẫn còn nợ thấu chi với Công ty, Công ty có quyền thực hiện các biện pháp sau đây:

- Yêu cầu Khách hàng và/hoặc khấu trừ các khoản tiền trên Khoản Tiền góp vốn của Khách hàng; và/hoặc

- Yêu cầu phong toả và trích/khấu trừ tiền trong Tài khoản Ngân hàng của Khách hàng để thanh toán khoản tiền Khách hàng có nghĩa vụ trả cho Công ty; và/hoặc

- Yêu cầu cơ quan chi trả tiền/thu nhập cho Khách hàng thực hiện việc khấu trừ từ khoản tiền phải trả cho Khách hàng để thanh toán khoản tiền Khách hàng có nghĩa vụ trả cho Công ty.

- Định đoạt các tài sản khác của Khách hàng để thu hồi một phần hoặc toàn bộ khoản tiền Khách hàng có nghĩa vụ trả cho Công ty.

Khách hàng đồng ý rằng: (i) Công ty có quyền sử dụng một hoặc tất cả các biện pháp nêu trên; (ii) Các cơ quan/tổ chức có liên quan (Ngân hàng, Cơ quan chi trả tiền/thu nhập...) có quyền thực hiện theo yêu cầu bằng văn bản của Công ty mà không cần thêm ý kiến của Khách hàng miễn rằng Công ty có chứng cứ về việc Khách hàng chưa thanh toán hết các khoản tiền phải trả cho Công ty.

Điều 5. Vi Phạm Và Bồi Thường Thiệt Hại

5.1. Khách hàng cam kết quản lý trạng thái hợp tác đầu tư Chứng khoán Phái sinh giữa Khách hàng và Công ty trên nguyên tắc đảm bảo hoàn trả Phần vốn góp của Công ty. Trong trường hợp Trạng thái hoàn trả của Khách hàng cho Công ty bị thiếu hụt so với Phần vốn góp ban đầu của Công ty, Khách hàng cam kết sử dụng toàn bộ nhưng không hạn chế Khoản Tiền góp vốn của Khách hàng vào Công ty để đảm bảo việc hoàn trả Phần vốn góp ban đầu của Công ty.

5.2. Trường hợp việc Đầu Tư Chứng khoán thua lỗ hoặc không đạt được đủ Lợi Nhuận trả cho Công ty thì Khách hàng chịu phạt vi phạm với số tiền bằng với **Lợi nhuận hợp tác đầu tư** của Công ty theo quy định tại Hợp đồng này. Trường hợp này Công ty sẽ nhận tiền phạt vi phạm do Khách hàng trả thay cho **Lợi Nhuận hợp tác đầu tư**.

5.3. Trong trường hợp Khách hàng vi phạm bất kỳ quy định nào của Hợp đồng này, Công ty có quyền chấm dứt hợp tác đầu tư mà không phụ thuộc vào Thời hạn Hợp tác đầu tư. Khách hàng có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty tổng Giá trị nợ thực tế theo thông báo của Công ty.

Điều 6. Bồi Thường và Trách Nhiệm Pháp Lý

Khách hàng theo đây bồi thường và đồng ý bồi thường cho Công ty và người lao động, đại lý hoặc người đại diện của Công ty từ và đối với toàn bộ các khoản tiền, hành động, tố tụng, kiện tụng, khiếu kiện, yêu cầu, thiệt hại, Chi phí, phí tổn và bất kỳ các khoản nào khác phát sinh từ vi phạm, do hành động hay sơ sót của Khách hàng theo Hợp đồng hoặc bất kỳ hành động hợp pháp nào do Công ty thực hiện.

Điều 7. Thông Báo

7.1. Bất kỳ thông báo nào gửi cho Công ty theo Hợp đồng phải được lập thành văn bản. Thông báo bằng văn bản nghĩa là bất kỳ thông báo nào dưới dạng văn bản mà có thể dễ dàng đọc được, bao gồm nhưng không hạn chế ở thư điện tử, tin nhắn SMS hoặc bất kỳ hệ thống nhắn tin trực tuyến nào khác đã đăng ký với Công ty và được Công ty chấp thuận.

7.2. Công ty đồng ý sẽ thông báo (nhưng không có nghĩa vụ bắt buộc phải thông báo) cho Khách hàng trong trường hợp Khách hàng vi phạm Hợp đồng, cần bổ Sung Khoản Tiền góp vốn, chấm dứt/tạm dừng hợp tác đầu tư hoặc các thay đổi liên quan đến các Điều kiện hợp tác đầu tư Kinh Doanh Chứng khoán theo quy định tại Hợp đồng.

7.3. Các thông báo của Công ty gửi cho Khách hàng được thực hiện bằng hình thức chuyển tận nơi hoặc qua email, thông báo qua điện thoại cho Khách hàng.

7.4. Định kỳ Công ty sẽ cung cấp cho Khách hàng qua địa chỉ thư điện tử mà Khách hàng cung cấp theo Hợp đồng một Báo cáo hàng tháng hoặc một Báo cáo cho một khoảng thời gian do Công ty toàn quyền quyết định trong đó ghi nhận các Giao dịch hợp tác đầu tư Chứng khoán và các thông tin khác do Công ty quyết định.

7.5. Khách hàng có nghĩa vụ cung cấp cho Công ty thông tin cá nhân và/hoặc thông tin liên lạc mới nhất của Khách hàng. Việc Khách hàng không nhận được thông báo của Công ty không phải là lý do để Công ty phải hoãn thực hiện các biện pháp cần thiết hoặc là lý do để Khách hàng trì hoãn thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Hợp đồng này.

Điều 8. Cam Kết Của Các bên

8.1. Công ty cam kết tuân thủ và thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Hợp đồng này.

8.2. Khách hàng xác nhận và cam kết đã đọc và hiểu rõ các nội dung của Hợp đồng, cân nhắc xem Giao dịch hợp tác đầu tư Chứng khoán Phái Sinh có phù hợp với mục đích đầu tư và tình hình tài chính của mình hay không, bao gồm nhưng không hạn chế các nội dung sau:

a) Khách hàng cam kết tuân thủ và thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Hợp đồng này.

b) Khách hàng đã đọc và hiểu đầy đủ các Điều kiện và Điều khoản của Hợp đồng.

c) Khách hàng không được chuyển nhượng các quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng này cho bất kỳ Bên thứ ba nào, trừ khi được sự đồng ý trước bằng văn bản của Công ty.

d) Khách hàng đồng ý rằng Công ty không chịu trách nhiệm đối với mọi khoản thua lỗ, Chi phí, phí tổn phát sinh hay trách nhiệm bồi thường thiệt hại mà Khách hàng phải gánh chịu do Khách hàng thực hiện hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng này.

Điều 9. Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp

9.1. Hợp đồng sẽ được điều chỉnh, hiểu và giải thích theo quy định Pháp Luật Việt Nam. Các nội dung khác không được quy định tại Hợp đồng này sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp Luật.

9.2. Trường hợp có bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến Hợp đồng, Các bên sẽ thảo luận trên tinh thần thiện chí giải quyết tranh chấp. Nếu trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày thảo luận và tranh chấp vẫn không được giải quyết, tranh chấp sẽ được một trong các bên hoặc hai Bên đồng thuận đưa ra xét xử tại Trung Tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam

(**"VIAC"**) bên cạnh Phòng Thương Mại và Công Nghiệp Việt Nam theo quy chế giải quyết tranh chấp của VIAC. Số lượng trọng tài viên là 3. Ngôn ngữ giải quyết tranh chấp là Tiếng Việt. Địa điểm giải quyết tranh chấp là Thành phố Hà Nội.

Điều 10. Chấm Dứt Hợp đồng

10.1. Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau:

a) Khách hàng có yêu cầu chấm dứt Hợp đồng và đã hoàn tất các nghĩa vụ đối với Công ty;

b) Công ty có thông báo cho Khách hàng về việc chấm dứt Hợp đồng và nêu rõ thời điểm chấm dứt Hợp đồng;

c) Khách hàng là cá nhân bị chết, mất năng lực hành vi, bị kết án là phạm tội; Khách hàng là tổ chức bị giải thể, phá sản;

d) Trường hợp bất khả kháng mà không thể khắc phục được; hoặc

e) Công ty bị giải thể, bị phá sản, bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

10.2. Khi Hợp đồng chấm dứt, Khách hàng hoặc người thừa kế hoặc kế nhiệm hợp pháp của Khách hàng phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Khách hàng đối với Công ty.

Điều 11. Các điều khoản khác

11.1. Nếu một Điều khoản của Hợp đồng này được cho là bất hợp pháp, vô hiệu hoặc không thể thi hành được, thì trong phạm vi điều khoản này bị bất hợp pháp, vô hiệu hoặc không thể thi hành, điều khoản đó sẽ không làm ảnh hưởng và sẽ được coi như thể là Hợp đồng không bao gồm điều khoản đó, nhưng tính hiệu lực và khả năng thi hành của các điều khoản còn lại của Hợp đồng này sẽ không bị ảnh hưởng. Các bên sẽ thường

lượng trong thiện chí và nếu pháp luật cho phép, sẽ thỏa thuận một điều khoản hoặc quy định thay thế liên quan đến ý định ban đầu của các bên.